TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2021/DS-PT
Ngày: 15- 6- 2021
"V/v: Tranh chấp hoàn trả tài sản của Nhà nước"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hương Giang

Bà Nguyễn Thị Hằng

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 15/6/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLPT-DS ngày 19/4/2021, về việc "*Tranh chấp hoàn trả tài sản của Nhà nước*". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST, ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dânthành phố Uông Bí bị kháng cáo**.** Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/ QĐ-PT ngày 13/5/2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2021/ QĐ-PT ngày 28/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh;** địa chỉ: Số 3, Tr, phường Th, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Mạnh H** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố U.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Phúc Q** - Phó Trưởng Ban quản lý di tích và Rừng quốc gia Yên Tử theo văn bản ủy quyền số 459/UQ ngày 25/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Uông Bí;có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng T;** địa chỉ: Tổ 13, khu 2, phường Tr, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đương sự: ông Đặng Văn C – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư C, đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 65B, T, quận Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1.**Bộ G;** địa chỉ: Số 80, Tr, quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th - Bộ trưởng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Th1 - Quyền Giám đốc Ban Quản lý Dự án 2, theo văn bản ủy quyền số 1333/BGTVT-CQLXD ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Bà **Nguyễn Thị Th2**; địa chỉ: Tổ 13, khu 2, phường Tr, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Anh T1 (theo giấy ủy quyền ngày 14/6/2021); có mặt tại phiên tòa.

Kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Trọng T**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2013, dự án Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18 đoạn Uông Bí - Hạ Long có chiếm dụng vào một phần diện tích đất của hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T (trú tại tổ 13, khu 2, phường Tr, thành phố Uông B). Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố đã giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tiến hành kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Nguyễn Trọng T và tham mưu UBND thành phố ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường theo đúng quy trình. Ông Nguyễn Trọng T đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo các phương án được phê duyệt với số tiền 2.127.676.616 đồng.

Trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, GPMB dự án đối với hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T, ông T đã có cam kết về việc tự tháo dỡ phần công trình, vật kiến trúc đã được bồi thường nằm ngoài chỉ giới giải phóng mặt bằng dự án. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ, hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T không tự phá dỡ phần công trình, vật kiến trúc nêu trên mà tự ý cải tạo, sửa chữa để tiếp tục sử dụng cho đến nay.

Vì lý do nêu trên, để đảm bảo thực hiện đúng quy trình bồi thường, giải phóng mặt bằng, UBND thành phố Uông Bí đã ban hành Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 04/6/2014, về việc thu hồi tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Cải tạo nâng cấp quốc lộ 18A, đoạn qua địa phận thành phố Uông Bí của hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T, trú tại tổ 13, khu 2, phường Trưng Vương thành phố Uông Bí.

Số tiền phải thu hồi nộp ngân sách nhà nước là **968.475.814 đồng** (Chín trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm mười bốn đồng). Số tiền nêu trên là khoản chênh lệch giảm giữa phương án bồi thường, hỗ trợ được lập cho việc phá dỡ toàn bộ nhà và vật kiến trúc (được phê duyệt tại Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của UBND thành phố) với phương án bồi thường, hỗ trợ đã được lập theo khối lượng công trình phá dỡ và sửa chữa thực tế (được phê duyệt tại Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND thành phố). Tuy nhiên đến nay, mặc dù đã nhiều lần T truyền vận động nhưng gia

đình ông Nguyễn Trọng T không nộp số tiền nêu trên vào ngân sách nhà nước (qua tài khoản của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố).

Ngày 04/11/2019, UBND tỉnh Quảng Ninh đã có Công văn số 7983/UBND-TM2 về việc "vốn giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn Uông Bí - Hạ Long theo hình thức Hợp đồng BOT", trong đó yêu cầu UBND thành phố Uông Bí phải thu hồi số vốn nêu trên để hoàn trả ngân sách Trung ương.

Ngày 20/11/2019 và ngày 05/3/2020, UBND thành phố đã nộp lại toàn bộ số tiền trên vào ngân sách nhà nước.

Nguyên đơn Ủy ban nhân dân thành phố U đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Trọng T (là người đại diện hộ gia đình) phải hoàn trả ngân sách nhà nước là **968.475.814 đồng** (Chín trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm mười bốn đồng). Số tiền nêu trên là khoản chênh lệch giảm giữa phương án bồi thường, hỗ trợ được lập cho việc phá dỡ toàn bộ nhà và vật kiến trúc (được phê duyệt tại Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của UBND thành phố) với phương án bồi thường, hỗ trợ đã được lập theo khối lượng công trình phá dỡ và sửa chữa thực tế (được phê duyệt tại Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND thành phố Uông Bí).

Vì vậy, UBND thành phố Uông Bí khởi kiện ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị Th2 phải liên đới hoàn trả Ngân sách nhà nước số tiền **968.475.814 đồng** (Chín trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm mười bốn đồng).

Tại bản tự khai, đơn đề nghị và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày có nội dung:

Tôi (Nguyễn Trọng T) và vợ Nguyễn Thị Th2 là chủ sử dụng hợp pháp quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có vị trí tại tổ 13, khu 2, phường Tr, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh đã được Ủy Ban nhân dân thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005. Thực hiện dự án mở đường quốc lộ 18A, ngày 27/02/2013 UBND thành phố Uông Bí ban hành quyết định số 692/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,7m^2 đất của gia đình tôi tại địa chỉ nêu trên và quyết định số 693/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho gia đình tôi số tiền 2.127.676.616 đồng. Nhận thấy việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất chưa thỏa đáng, vợ tôi bà Nguyễn Thị Th2 đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xem xét lại hai quyết định số 692/QĐ-UBND và quyết định số 693/QĐ-UBND của UBND thành phố để điều chỉnh lại mức bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với gia đình tôi. Ngày 10/10/2013 Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí ra bản án hành chính số 05/2013/HC-ST đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th2 đối với yêu cầu hủy quyết định số 692/QĐ-UBND và quyết định số 693/QĐ-UBND của thành phố Uông Bí. Không đồng ý với quyết định của Tòa án thành phố Uông Bí, vợ tôi kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Bản án hành chính phúc thẩm số 10/2014/HC-PT ngày 14/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th2, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật. Gia đình tôi đã nhận số tiền 2.127.676.616

đồng là hoàn toàn hợp pháp, đúng pháp luật. Trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết thì ngày 28/02/2014 UBND thành phố Uông Bí lại ban hành quyết định số 762/QĐ-UBND thay thế quyết định số 693/QĐ-UBND với nội dung sửa đổi quyết định phê duyệt phương án bồi thường. Căn cứ quyết định nêu trên, ngày 04/6/2014 UBND thành phố ra quyết định số 2660/QĐ-UBND về việc thu hồi tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với gia đình tôi số tiền 968.475.814 đồng nhưng lại không giao những quyết định này cho gia đình tôi. Hiện nay dự án cải tạo quốc lộ 18A đã xong và không sử dụng đến diện tích đất có nhà của gia đình tôi mà theo quyết định số 693/QĐ-UBND của thành phố Uông Bí thì một phần ngôi nhà tôi nằm trong khu vực phải tháo dỡ. Khi nhận tiền bồi thường gia đình tôi có cam kết sẽ tháo dỡ nhà và ghi kèm đề nghị xem xét lại mức bồi thường, hỗ trợ gia đình phá dỡ một phần ngôi nhà theo chỉ giới đảm bảo đúng tiến độ công trình của nhà nước. Tuy nhiên đến nay đường quốc lộ đã làm xong không đi qua nhà đất của gia đình tôi, do vậy việc phá dỡ toàn bộ nhà để xây lại trở lên lãng phí tốn kém không cần thiết, hơn nữa nhà tôi không còn chỗ ở nào khác.

Tôi không đồng ý với hai quyết định số 762/QĐ-UBND và quyết định số 2660/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố U về việc thu lại số tiền bồi thường là những quyết định sai trái, không đúng quy định pháp luật. Gia đình tôi đã và đang thực hiện đúng quyết các quyết định 692/QĐ-UBND và 693/QĐ-UBND có hiệu lực và đúng pháp luật đã được thông qua 02 cấp Tòa án xét xử sơ thẩm, phúc thẩm vì đã đảm bảo tính hợp pháp theo đúng pháp luật.

Số tiền còn thiếu qua kiểm đếm có bản chi tiết kèm theo và yêu cầu UBND thành phố Uông Bí về việc xử lý góc chéo của ngôi nhà tôi vẫn chưa sửa chữa, xin cấp lại giấy phép xây dựng vẫn chưa được giải quyết.

Chính vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi. Tôi đề nghị ông chủ tịch UBND thành phố Uông Bí xem xét hủy bỏ 02 quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 và quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 04/6/2014.

Vì các lý do trên, tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của UBND thành phố Uông Bí.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bên phía bị đơn bà Nguyễn Thị Th2 trình bày: Các nội dung và đề nghị của bà ***Th2*** có cùng nội dung và đề nghị như bị đơn Nguyễn Trọng T.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng, người đại diện theo ủy quyền của Bộ Giao thông vận tải trình bày có nội dung:

Bộ G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự tranh chấp về quyền sở hữu tài sản giữa nguyên đơn là Ủy ban nhân dân thành phố U với bị đơn hộ ông Nguyễn Trọng T. Ủy ban nhân dân thành phố U đã quyết toán đủ số tiền 968.457.814 đồng với Bộ giao thông vận tải theo giấy nộp trả vốn đầu tư vào Kho bạc nhà nước mà Ban quản lý Dự án 2 nhận được. Cho nên, Bộ Giao thông vận tải không có yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung gì trong vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Với nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-PT, ngày: 05/3/2021 của Tòa án nhân dân **thành phố Uông Bí, xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân thành phố U.

1.1. Buộc ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị Th2 phải liên đới hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố U số tiền 968.475.814đ (Chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm mười bốn đồng).

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án còn T nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Kháng cáo: Ngày 12/3/2021, bị đơn ông Nguyễn Trọng T kháng cáo toàn bộ bản án cho rằng cấp sơ thẩm không khách quan… đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn UBND thành phố Uông Bí giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Trọng T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đương sự vắng mặt có quan điểm: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận kháng cáo sửa bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các Điều 285, 286, 294 Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

2) Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền lợi và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3) Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trọng T làm trong hạn và trong phạm vi xét xử sơ thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bộ G - Người đại diện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan người đại diện Bộ giao thông vận tải. Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị hoãn phiên tòa do vắng mặt người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đương sự (lần 1 xin hoãn, lần 2 đã triệu tập hợp lệ - vắng mặt), Hội đồng xét xử thấy người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đương sự vắng mặt không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa, nên quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T kháng cáo toàn bộ bản án.

[2.1] Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật, đủ những người tham gia tố tụng, các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T:

Hội đồng xét xử thấy:

Các Quyết định số 692/QĐ-UBND "về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn thành phố Uông Bí" và số 693/QĐ-UBND "về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn thành phố Uông Bí" ngày 27/02/2013 của UBND thành phố Uông Bí đối với hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T. Các Quyết định này đã ban hành là đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo theo quy định của Luật đất đai và các Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ. Sau khi nhận các quyết định, không đồng ý với các quyết định trên hộ ông T (bà Nguyễn Thị Th2 vợ ông T) đã khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định này tại Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí. Ngày 10/10/2013 Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã ban hành bản án hành chính số 05/2013/HC-ST, đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th2 đối với yêu cầu hủy quyết định số 692/QĐ-UBND và quyết định số 693/QĐ-UBND của UBND thành phố Uông Bí. Không đồng ý với quyết định tại bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án thành phố Uông Bí, bà Th2kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Bản án hành chính phúc thẩm số 10/2014/HC-PT ngày 14/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định bác kháng

cáo của bà Nguyễn Thị Th2, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình thực hiện các quyết định trên, ngày 08/3/2013 ông T và bà Th2đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 2.127.676.616 đồng, nhưng không thực hiện việc tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà như đã cam kết, mà lại cải tạo, sửa chữa để tiếp tục ở cho đến nay. Vì vậy, việc UBND thành phố Uông Bí ban hành Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn qua địa phận thành phố Uông Bí của hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T thay thế Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 27/02/2013. Ngày 04/6/2014 Ủy ban nhân dân thành phố U ban hành Quyết định số 2660/QĐ-QĐUB về việcthu hồi tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn qua địa phận thành phố Uông Bí của hộ ông Nguyễn Trọng T. Theo quyết định thì số tiền phải thu hồi của hộ ông T là 968.475.814 đồng. Các Quyết định này cũng đã được giao trực tiếp cho hộ ông T, đồng thời tiến hành niêm yết theo quy định. Quá trình thực hiện tiếp theo hộ ông T không khiếu nại hoặc khởi kiện các quyết định này tại Tòa án. Ủy ban nhân dân thành phố đã thông báo và làm việc trực tiếp yêu cầu hộ ông T phải hoàn trả số tiền nên trên, nhưng đến nay hộ ông Tuyễn vẫn không thực hiện việc hoàn trả tiền.

Thực hiện việc quyết toán dự án, ngày 06/6/2018, UBND thành phố Uông Bí đã thanh toán được 410.782.732.014 đồng trên tổng số vốn ứng trước là 413.628.329.733 đồng cho Bộ Giao thông vận tải, còn lại số tiền 3.734.197.997 đồng của 04 hộ dân, (trong đó số tiền của hộ ông T là 968.475.814 đồng) chưa thanh toán được do các hộ dân chưa nộp lại. Ngày 20/11/2019 và ngày 05/3/2020, UBND thành phố Uông Bí đã nộp trả toàn bộ số tiền trên vào Ngân sách Trung ương cho Bộ Giao thông vận tải. Việc UBND thành phố Uông Bí thanh toán số tiền trên được thể hiện tại Giấy nộp trả vốn đầu tư ngày 20/11/2019 và ngày 05/3/2020; đơn vị nộp tiền là Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Uông Bí; nội dung nộp tiền là nộp trả kinh phí đầu tư đã tạm ứng; theo Quyết định số **2660/QĐ-UBND ngày 4/6/2014**. Đại diện Bộ Giao thông vận tải cũng xác nhận việc UBND thành phố Uông Bí đã nộp hoàn trả đầy đủ số tiền trên cho Bộ Giao thông vận tải.

Đối với quan điểm của ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị Th2 không đồng ý với hai quyết định số 762/QĐ-UBND và quyết định số 2660/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố U về việc thu lại số tiền bồi thường (968.475.814 đồng) nhưng không khiếu nại hoặc khởi kiện các quyết định này nên có hiệu lực thi hành.

Việc hộ ông T không hoàn trả số tiền nêu trên theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 04/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố U đã có hiệu lực pháp luật là hành vi chiếm hữu tài sản của Nhà nước không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, UBND thành phố Uông Bí khởi kiện yêu cầu hộ ông T - bà Th2 thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền 968.475.814 đồng là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại các Điều 255 và 256 Bộ luật Dân sự năm 2005. Ông, bà T – Th2 là vợ chồng, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình: phải có trách nhiệm chung trong việc

thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ tài sản chung của vợ chồng. Nên ông, bà T – Th2 phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 968.475.814 đồng cho UBND thành phố Uông Bí. Từ các phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn UBND thành phố Uông Bí là có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T, cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đương sự.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông T và bà Th2 phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là: 41.054.274đ (Bốn mươi mốt triệu không trăm năm mươi tư nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng).

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông T không được chấp nhận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS - ST ngày 05/3/2021của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 255; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất; điểm b khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân thành phố U.

Buộc ông, bà Nguyễn Trọng T - Nguyễn Thị Th2 phải liên đới hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố U số tiền 968.475.814đ (Chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành trả tiền thì phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2 - Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông, bà Nguyễn Trọng T - Nguyễn Thị Th2 phải liên đới chịu 41.054.274đ (bốn mươi mốt triệu không trăm năm mươi tư nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ 300.000đ dự phí đã nộp theo biên lai số 0003739 ngày 17/3/2021, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân TP Uông Bí;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Uông Bí;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Thắng

[